TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16/12/2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vương Thị Dung.
2. Ông Hoàng Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Luân** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 260/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng C, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: Tổ 9, ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thu T, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Tổ 9, ấp 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ liên lạc: Số 118/9/11 tổ 49, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
(Anh C và chị T có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2021, bản khai, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Hồng C trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100/Q1/2009 ngày 22/4/2009. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T tự ý bỏ nhà đi, tự tách khẩu ra riêng và sống ly thân với anh từ đó đến nay. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị T, không thể đoàn tụ chung sống nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Huỳnh Thu T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Huỳnh Quốc A, sinh ngày 27/9/2009 và Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh ngày 13/8/2017. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không đến Tòa án để làm việc được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Theo bản tự khai ngày 28/10/2021, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 28/10/2021 bị đơn chị Huỳnh Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100/Q1/2009 ngày 22/4/2009. Vợ chồng chung sống được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không còn chung tiếng nói. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng và không có nguyện vọng đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Huỳnh Quốc A, sinh ngày 27/9/2009 và Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh ngày 13/8/2017. Khi ly hôn, chị đồng ý giao cả hai con chung cho anh C trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị đang làm việc tại thành phố Biên Hòa, do dịch covid đang phức tạp, đi lại khó khăn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tống đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh C, chị T đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cường. Đề nghị cho anh Nguyễn Hồng C được ly hôn với chị Huỳnh Thu T.

Về con chung: Anh C có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, xét thấy các con chung còn nhỏ, hiện sống cùng anh C và cháu A có nguyện vọng được ở cùng cha. Chị T đồng ý giao hai con chung cho anh C nuôi dưỡng sau ly hôn. Đề nghị giao cả hai con chung cho anh C nuôi dưỡng sau ly hôn. Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nôi con chung nên tạm thời chị T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C, chị T được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Hồng C phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Hồng C và bị đơn chị Huỳnh Thu T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Huỳnh Thu T cư trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Hồng C khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Anh Nguyễn Hồng C và chị Huỳnh Thu T đăng ký kết hôn năm 2009 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hồng C và chị Huỳnh Thu T tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số100/Q1/2009 ngày 22/4/2009 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C: Anh C xin ly hôn với lý do vợ chồng không hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, hiện tại anh chị đã sống ly thân, không còn tình cảm vợ chồng. Chị T cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không có tiếng nói chung và không thể đoàn tụ chung sống vì vậy chị đồng ý ly hôn với anh Cường. Căn cứ Điều 18 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xét thấy anh C, chị T không còn sống chung với nhau, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng, nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng anh C và chị T thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ và chị T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, anh C xin ly hôn với chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung: Anh C và chị T có 02 con chung hiện đang do anh Cường nuôi dưỡng. Anh C có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét thấy: Hai cháu Nguyễn Huỳnh Quốc A, sinh ngày 27/9/2009 và Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh ngày 13/8/2017 đang do anh

C nuôi dưỡng. Cháu A có nguyện vọng ở với anh C. Trong thời gian ly thân, anh C chăm sóc tốt con chung, hai con chung được đi học đầy đủ, các cháu phát triển bình thường. Chị T cũng đồng ý giao hai con chung cho anh C nuôi dưỡng sau ly hôn. Do đó, giao cả 02 con chung cho anh C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời, chị Huỳnh Thu T không phải thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung do anh Nguyễn Hồng C chưa yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, chị T có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh C, chị T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh C phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 85, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hồng C. Anh Nguyễn Hồng C được ly hôn với chị Huỳnh Thu T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Huỳnh Quốc A, sinh ngày 27/9/2009 và Nguyễn Huỳnh Như Y, sinh ngày 13/8/2017 cho anh Nguyễn Hồng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Tạm thời chị Huỳnh Thu T không phải thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung do anh Nguyễn Hồng C chưa yêu cầu.

Chị Huỳnh Thu T có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh C và chị T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Hồng C phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh Nguyễn Hồng C đã nộp theo biên lai số 0005975 ngày 28/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được chuyển thành tiền án phí. Anh Nguyễn Hồng C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hồng C và chị Huỳnh Thu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

Phan Thanh Hà